

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 15-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Chì.

Bà Hà Thị Vũ

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Sùng Thị D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995, tại tỉnh Điện Biên, Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: không; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sùng Sênh V - sinh năm 1950 và con bà: Vàng Thị M, sinh năm 1950; có chồng: Vàng A L, sinh năm 1995, hiện đang chấp hành án tại phạt tù tại trại Yên Hạ, Sơn La; và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/7/2020, bị tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị D: Bà Lò Thị X, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- Người phiên dịch cho bị cáo Sùng Thị D: Ông Sùng A C. Sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ X, phường Z, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2020, Sùng Thị D đang ở nhà, tại bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì nhận được điện thoại của V, người quen của D, trú tại bản P, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, qua nói chuyện V thuê D vận chuyển ma túy, từ khu vực giáp biên giới thuộc bản G, xã N, huyện Đ về nhà D, V sẽ cho người đến lấy và hứa sẽ trả công cho D 10 triệu đồng, D đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 02/7/2020, D đi bộ sang nhà mẹ chồng bà Lâu Thị C, mượn chiếc xe máy Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 27X1-018.34, đi đến khu vực biên giới thuộc bản G A, xã N, huyện Đ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, V gọi cho D hẹn thời gian, địa điểm sáng hôm sau sẽ cho người mang ma túy đến giao cho D. Khoảng 5 giờ sáng ngày 03/7/2020, D đi xe máy đến khe suối thuộc bản G A, xã N, huyện Đ, tại đó D gặp hai người đàn ông dân tộc Mông, D không rõ tên tuổi, địa chỉ đưa cho D 02 bánh heroine, có khối lượng 668,8 gam và 08 túi Methamphetamine, có khối lượng 142,98 gam. D cho số ma túy trên vào ống quần vải màu đỏ có sẵn, để trong cốp xe máy đi về. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 279C thuộc địa phận bản K, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, thì bị tổ công tác yêu cầu dừng xe kiểm tra, bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Tại Bản Kết luận giám định số 679/GĐ-PC09 ngày 15/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 08 (tám) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng Thị D gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- 02 (hai) mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng Thị D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Sùng Thị D gồm: 668,8 gam chất bột màu trắng; 142,98 gam viên nén màu hồng.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 232, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-P1 ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử bị cáo Sùng Thị D về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm h Khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Thị D tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo Sùng Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị D không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo D: Bị cáo do hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 20 năm tù, để bị cáo có cơ hội trở sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Sùng Thị D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 01/7/2020, Sùng Thị D đang ở nhà thì nhận được điện thoại của V, người quen của D, qua nói chuyện V thuê D vận chuyển ma túy, từ khu vực giáp biên giới thuộc bản G A, xã N, huyện Đ về nhà D, V sẽ cho người đến lấy và hứa sẽ trả công cho D 10 triệu đồng, D đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 02/7/2020, D đi bộ sang nhà mẹ chồng là bà Lâu Thị C, mượn xe máy đi đến khu vực biên giới thuộc bản G A, xã N, huyện Đ. Khoảng 5 giờ sáng ngày 03/7/2020, D đi xe máy đến khe suối thuộc bản G A, xã N, huyện Đ, tại đó D gặp hai người đàn ông dân tộc Mông, D không rõ tên tuổi, địa chỉ đưa cho D 02 bánh heroine, có khối lượng 668,8 gam và 08 túi Methamphetamine, có khối lượng 142,98 gam. D cho số ma túy trên vào ống quần vải màu đỏ có sẵn, để trong cốp xe máy đi về. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 279C thuộc địa phận bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, thì bị tổ công tác yêu cầu dừng xe kiểm tra, bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Sùng Thị D đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự, kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo là để lấy tiền công, thiếu ý thức chấp hành pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Sùng Thị D đã có hành vi vận chuyển 668,8 gam heroine và 142,98 gam Methamphetamine, mục đích để lấy tiền vận chuyển thuê, đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Sùng Thị D về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của Luật sư: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo Sùng Thị D: Bị cáo do hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo mức hình phạt 20 năm tù là không phù hợp, bởi số ma túy bị cáo D vận chuyển là rất lớn, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định, nên đề nghị này không được chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nương, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Sùng Thị D không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 665,56 gam heroine và 139,14 gam Methamphetamine thu giữ của Sùng Thị D là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe máy màu đỏ hiệu Sirius đã qua sử dụng, BKS 27X1-018.34. Số khung: RLCS5C6J0FY122748, số máy: 5C6J-122762. Cơ quan cảnh sát Điều tra đã làm rõ chiếc xe máy thuộc quyền sở hữu của bà Lầu Thị C, gia đình bà Lầu Thị C không biết việc Sùng Thị D sử dụng chiếc xe máy trên để vận chuyển trái phép chất ma túy. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy trên cho gia đình bà Lầu Thị C. Hội đồng xét xử xét thấy việc trao trả này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và không xem xét trong vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động, màu đen, hiệu itel, loại máy có bàn phím bấm, đã qua sử dụng, bị cáo dùng để trao đổi việc vận chuyển ma túy nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 ống vải màu đỏ Sùng Thị D dùng để bọc ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo là dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

Sùng Thị D khai người đàn ông tên V, quốc tịch Lào, là người thuê D vận chuyển ma túy và hai người đàn ông giao ma túy cho D, Cơ quan Điều tra không có đủ căn cứ điều tra làm rõ, nên không đề cập xử lý. Đối với Lầu A H sinh năm 1995, trú tại bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, không biết việc D đi vận chuyển ma túy, nên không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Sùng Thị D phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị D tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (03/7/2020)

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 665,56 gam heroine và 139,14 gam Methamphetamine thu giữ của Sùng Thị D là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 ống vải màu đỏ.

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

01 (một) chiếc điện thoại di động, màu đen, hiệu itel, loại máy có bàn phím bấm, đã qua sử dụng thu giữ của Sùng Thị D.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 01/10/2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng Thị D.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/10/2020).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng